

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

Phòng Đào tạo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 12 năm 2011

DANH SÁCH NHÓM / LỚP BỊ HỦY DO SỐ LƯỢNG ĐĂNG KÝ QUÁ ÍT

Trình độ Cao đẳng - Học kỳ 2 - Năm học 2011 - 2012

(Thời gian đăng ký: từ 23/11 đến 26/11/2011)

STT	Mã MH	Tên môn học	Mã nhóm	Mã lớp	Số TC	SL CP	SL ĐKý	%DK
1	74156	Hệ quản trị CSDL quan hệ	1	CCT1101	4	50	15	30.0%
2	76312	Quản lí HCNN & QL Ngành GD-ĐT (THCS)	1	_CD001	2	60	2	3.3%
3	80107	Mỹ thuật	2	CTO1111	2	50	11	22.0%
4	81574	Âm nhạc 2	6	CGT1101	2	30	9	30.0%
5	81932	Hát dân ca	4	CGM1102	2	28	11	39.3%
6	81933	Giới thiệu nhạc cụ	6	CGM1102	2	28	11	39.3%
7	83370	Tin học ứng dụng	9	CQK1111	2	50	12	24.0%
8	83411	Thực hành phân tích môi trường	4	CKM1102	1	20	4	20.0%
9	83422	Sinh học đại cương	2	CCM1111	2	50	11	22.0%
10	83428	Sinh thái học đại cương	1	CCM1111	2	50	16	32.0%
11	83447	Độc học môi trường	2	CKM1102	2	40	14	35.0%
12	83451	Sinh hóa môi trường	1	CKM1101	2	40	14	35.0%
13	83452	Địa chất môi trường	2	CKM1102	2	40	15	37.5%
14	83550	Hán - Nôm	2	CVI1111	2	30	10	33.3%
15	83826	Địa lý du lịch 1	2	CTA1102	4	45	9	20.0%
16	83868	Lý thuyết giao tiếp	4	CTA1102	2	45	9	20.0%

STT	Mã MH	Tên môn học	Mã nhóm	Mã lớp	Số TC	SL CP	SL ĐKý	%DK
17	86101	Những ng/lý cơ bản của CN Mác-Lênin	15	_CD006	5	60	20	33.3%
18	86102	Tư tưởng Hồ Chí Minh	22	_CD008	2	60	13	21.7%
19	86103	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	16	_CD005	3	60	14	23.3%
20	86103	Đường lối cách mạng của ĐCS VN	18	_CD007	3	60	16	26.7%
21	86201	Giáo dục thể chất (1)	30	_CD005	1	40	15	37.5%
22	86201	Giáo dục thể chất (1)	38	_CD013	1	40	10	25.0%
23	86206	GD Quốc phòng - An ninh (1)	3	_CD003	3	120	21	17.5%
24	86206	GD Quốc phòng - An ninh (1)	11	_CD011	3	60	10	16.7%
25	86207	GD Quốc phòng - An ninh (2)	3	_CD003	3	120	11	9.2%
26	86207	GD Quốc phòng - An ninh (2)	9	_CD009	3	60	21	35.0%
27	86208	GD Quốc phòng - An ninh (3)	2	_CD002	3	60	10	16.7%
28	86208	GD Quốc phòng - An ninh (3)	5	_CD005	3	60	6	10.0%
29	86208	GD Quốc phòng - An ninh (3)	9	_CD009	3	60	15	25.0%
30	86305	Giáo dục học đại cương	3	_CD001	2	40	3	7.5%
31	86305	Giáo dục học đại cương	4	_CD002	2	40	1	2.5%
32	86309	Phương pháp nghiên cứu KHGD	9	_CD001	2	60	16	26.7%
33	86309	Phương pháp nghiên cứu KHGD	10	_CD002	2	60	16	26.7%
34	86309	Phương pháp nghiên cứu KHGD	12	_CD004	2	60	12	20.0%
35	86310	Quản lý HCNN & QL Ngành GD-ĐT (GDMN)	4	CGM1092	2	42	11	26.2%
36	86313	Công tác đội TNTP HCM	3	_CD001	1	60	3	5.0%
37	86402	Xác suất thống kê B	3	_CD003	3	60	8	13.3%
38	86501	Tiếng Việt thực hành	2	_CD002	2	60	6	10.0%
39	86601	Tiếng Anh (1)	33	_CD003	2	40	13	32.5%
40	86601	Tiếng Anh (1)	34	_CD004	2	40	5	12.5%

STT	Mã MH	Tên môn học	Mã nhóm	Mã lớp	Số TC	SL CP	SL ĐKý	%DK
41	86603	Tiếng Anh (3)	39	_CD014	3	40	8	20.0%
42	BOBA1	Bóng bàn cơ bản	2	_CD002	1	30	6	20.0%
43	BOBA1	Bóng bàn cơ bản	3	_CD003	1	30	3	10.0%
44	BOBA1	Bóng bàn cơ bản	4	_CD004	1	30	8	26.7%
45	BORO1	Bóng rổ cơ bản	1	_CD001	1	30	3	10.0%

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Việt Ngoạn